

Số: /2022/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT- BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tỉnh tại Tờ trình số 536/TTr-BDT ngày 04 tháng 7 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (*sau đây gọi tắt là Chương trình*).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình (*sau đây gọi tắt là Sở, Ban, ngành và địa phương*).

2. Cơ quan, tổ chức tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình trong giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Bám sát các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể của Chương trình giai đoạn 2021-2025 nhằm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra; bảo đảm không vượt quá tổng mức vốn đầu tư, vốn sự nghiệp và không thay đổi cơ cấu nguồn vốn của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Ưu tiên bố trí vốn thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng phù hợp với các mục tiêu phân bổ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt giai đoạn trước nhưng chưa đủ nguồn lực thực hiện đã được tích hợp tại nội dung Chương trình; tập trung đầu tư, hỗ trợ các xã, thôn khó khăn nhất, giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn; ưu tiên cho các địa bàn còn thiếu hụt cơ sở hạ tầng thiết yếu; phân bổ vốn đầu tư Chương trình tập trung, không phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

4. Việc phân bổ vốn phải đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách của Chương trình; tăng cường phân cấp cho cơ sở để tạo sự chủ động, linh hoạt cho các địa phương, các cấp, các ngành trong triển khai, thực hiện Chương trình trên cơ sở nội dung, định hướng, lĩnh vực cần ưu tiên, phù hợp với đặc thù, điều kiện, tiềm năng lợi thế từng địa phương, từng vùng theo quy định của pháp luật.

5. Phân bổ kế hoạch vốn hằng năm cho các Sở, Ban, ngành và địa phương thực hiện Chương trình theo kết quả giải ngân của năm trước năm kế hoạch; ưu tiên phân bổ cho các địa phương, các dự án, tiểu dự án, nội dung của Chương trình bảo đảm tiến độ giải ngân.

6. Phân bổ vốn của Chương trình bảo đảm công khai, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ tính toán, dễ áp dụng, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 4. Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ vốn

1. Tổng nguồn vốn phân bổ cho các Sở, Ban, ngành, địa phương bao gồm ngân sách Trung ương và nguồn ngân sách đối ứng địa phương (ký hiệu TV).

2. Tổng số vốn phân bổ cho Sở, Ban, ngành được tổng hợp từ vốn phân bổ cho từng Sở, Ban, ngành theo tỷ lệ % (vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) quy định trong tiêu chí phân bổ vốn của các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung của Quyết định này (V_{sbn}).

3. Tổng số vốn phân bổ cho các huyện, thành phố (vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) được tổng hợp từ vốn phân bổ theo tiêu chí phân bổ vốn của các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung của huyện đó tại Quy định này.

4. Vốn phân bổ của Dự án, Tiểu dự án, Nội dung cho các địa phương được xác định như sau:

$$\begin{array}{l}
 \text{Vốn phân bổ} \\
 \text{cho Dự án,} \\
 \text{Tiểu dự án,} \\
 \text{nội dung thứ} \\
 \text{(Da) của địa} \\
 \text{phương} \\
 \text{(huyện A)}
 \end{array}
 = \frac{\text{Tổng vốn phân bổ cho Dự án, Tiểu} \\
 \text{dự án, nội dung thứ i trừ (-) vốn} \\
 \text{phân bổ cho các Sở, Ban, ngành} \\
 \text{của Dự án, Tiểu dự án, nội dung} \\
 \text{thứ i} \\
 \text{(TV-V}_{sbn}\text{)}}{\text{Tổng số điểm theo tiêu chí của Dự} \\
 \text{án, Tiểu dự án, nội dung thứ i của} \\
 \text{tất cả các địa phương}}
 \times \begin{array}{l}
 \text{Điểm số của} \\
 \text{Dự án, Tiểu} \\
 \text{dự án, nội} \\
 \text{dung thứ i} \\
 \text{của địa} \\
 \text{phương A}
 \end{array}$$

5. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực hiện quy định chi tiết tại 10 phụ lục đính kèm theo Quyết định này.

Điều 5. Quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình

Hàng năm, ngân sách địa phương bố trí đối ứng tối thiểu 15% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ Chương trình, trong đó ngân sách tỉnh đối ứng các chương trình, dự án giao các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh; ngân sách huyện, thành phố đối ứng các chương trình, dự án giao cho các huyện, thành phố.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Ban Dân tộc tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp phương án phân bổ vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của các Sở, Ban ngành và địa phương theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quyết định này, gửi về Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu trình cấp thẩm quyền phê duyệt;

b) Trong tiến trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh bằng văn bản gửi về Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp, báo cáo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung phù hợp và kịp thời.

2. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp phương án phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm trong giai đoạn 2021-2025 do các Sở, Ban ngành và địa phương đề xuất để thực hiện Chương trình đảm bảo đúng nguyên tắc, tiêu chí, định mức tại Quyết định này, tham mưu trình cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Trách nhiệm của Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, các Sở, Ban ngành và địa phương tổng hợp phương án phân bổ kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm trong giai đoạn 2021-2025 do các ngành liên quan đề xuất để thực hiện Chương trình đảm bảo đúng nguyên tắc, tiêu chí, định mức tại Quyết định này, tham mưu trình cấp có thẩm quyền quyết định.

b) Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối nguồn vốn đối ứng ngân sách địa phương theo tỷ lệ quy định để hỗ trợ thực hiện Chương trình.

4. Trách nhiệm của các Sở, ngành, đơn vị chủ trì quản lý các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình

a) Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các Sở, ngành liên quan và địa phương lập kế hoạch vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm thực

hiện dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình do các Sở, Ban ngành, đơn vị được giao chủ trì thực hiện đảm bảo đúng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quyết định này, gửi về Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp;

b) Chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, số liệu và mức phân bổ cho các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần do Sở, Ban ngành được giao chủ trì quản lý.

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các Sở, ngành liên quan lập kế hoạch vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 đảm bảo đúng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quyết định này, gửi về Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp;

b) Chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, số liệu và mức phân bổ cho các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần do Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao chủ trì quản lý, triển khai thực hiện.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày.....tháng2022.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XI;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, TP;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH, Ban TCDNC;
- Lưu: VT, VXNV. NVT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Long Biên